TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Mến**

Bà **Trần Thị Kim Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Tiếm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:

Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Thúy H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long.

"Đề nghị xét xử vắng mặt"

- *Bị đơn:* Anh **Cao Ngọc S**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long.

"Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thúy H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Nguyên đơn chị Trương Thị Thúy H và bị đơn anh Cao Ngọc S thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/12/2008. Thời gian chung

sống được khoảng 16 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh S.

- **Về con chung**: Chị H và anh S có 02 người con chung là Cao Ngọc M, sinh ngày 11/02/2009 và Cao Trí K, sinh ngày 13/12/2011 hiện đang sống với chị H, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024, bị đơn là anh Cao Ngọc S trình bày: Anh S và chị H kết hôn năm 2008, do mai mối rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/12/2008. Thời gian chung sống được khoảng 16 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm hay cự cải nhau nhưng anh S nhận thấy còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 người con chung là Cao Ngọc, sinh ngày 11/02/2009 và Cao Trí K, sinh ngày 13/12/2011 hiện đang sống với chị H, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M và cháu K, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn trình bày: Anh giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày. Trường hợp con chung muốn sống hết với chị H anh thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H ly hôn anh S.

Con chung: Tiếp tục giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm con theo luật định.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Án phí: Buộc chị H nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trương Thị Thúy H khởi kiện anh Cao Ngọc S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa, chị H đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Nguyên đơn Trương Thị Thúy H và bị đơn Cao Ngọc S thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/12/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chi H và anh S thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Thúy H, xử cho chị H ly hôn anh S là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh S và chị H có 02 người con chung là Cao Ngọc M, sinh ngày 11/02/2009 và Cao Trí K, sinh ngày 13/12/2011 hiện 02 con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị H không yêu cầu anh Sn cấp dưỡng nuôi con. Xét con chung hiện chị H đang nuôi nên tiếp tục để con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp ý chí nguyện vọng hai bé, nên tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh S không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị H nộp án phí 300.000 đồng, cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp đủ.

Xét phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở như nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Thúy H. Xử cho chị Trương Thị Thúy H ly hôn với anh Cao Ngọc S.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 người con chung là Cao Ngọc M, sinh ngày 11/02/2009 và Cao Trí K, sinh ngày 13/12/2011 cho chị H nuôi dưỡng, anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị Thúy H nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu số 0011151 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS Trà Ôn;
- Đương sự;
- UBND xã Nhơn Bình (CNKH số 121 Quyển số 01, ngày 18-12-2008);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Văn Điều